

BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 05/2021



**TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC
NÂNG CAO TỶ LỆ NỘI ĐỊA HÓA NGÀNH Ô TÔ**

9

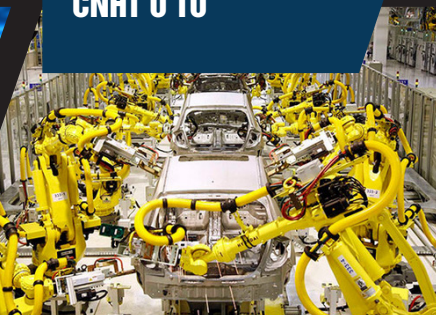
CNHT DỆT MAY



CNHT ĐIỆN TỬ



CNHT Ô TÔ



BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 05/2021

Mục lục

Tòa soạn:

Tầng 6, Trụ sở Bộ Công Thương
Số 655 Phạm Văn Đồng,
quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Thông tin liên hệ:

Biên tập: (024) 37150530

Marketing: (024) 37150530

Fax: (024) 37150489

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bích Thủy

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Bích Thủy

Giấy phép xuất bản số:

29/GP-XBBT ngày 20/4/2021
Bộ Thông tin và Truyền thông

Kỳ hạn xuất bản:

2 kỳ/tháng

Khổ **19cmx27cm**

Chế bản tại:

Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

THÔNG TIN NỔI BẬT	2
Trong nước	2
Thế giới	2
SẢN XUẤT	3
Thu hút vốn đầu tư vào sản xuất nguyên phụ liệu dệt may	3
Phát triển công nghiệp điện tử tương xứng với tiềm năng	6
Tăng cường hợp tác nâng cao tỷ lệ nội địa hóa ngành ô tô	9
XUẤT - NHẬP KHẨU	12
Ngành dệt may Việt Nam những tháng đầu năm 2021 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc so với cùng kỳ khi một số thị trường chính dần hồi phục	12
Tháng 4/2021, xuất khẩu nguyên phụ liệu (NPL) dệt may giảm nhẹ so với tháng 03/2021	2
Nhập khẩu nhóm hàng NPL dệt may của Việt Nam tháng 4 năm 2021 tăng mạnh so với tháng trước	13
Kim ngạch xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam trong tháng 4/2021 giảm	14
Tháng 4/2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam giảm nhẹ so với tháng trước đó	17
CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ	19
Doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ để đáp ứng chất lượng, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu	21
Ninh Bình tạo mọi điều kiện hỗ trợ DN CNHT	21
CÔNG NGHỆ - SẢN PHẨM MỚI	23
DN Việt sản xuất vải dệt kim thành phẩm từ sợi I-Skin	23
IBM chế tạo thành công chip nhỏ nhất thế giới	24
Vietnam Silk House nghiên cứu thành công mẫu vải lụa mới	24
TIN THẾ GIỚI	25
LG Innotek hợp tác với Microsoft để phát triển cảm biến 3D	25
Hàn Quốc tăng cường phát triển ngành công nghiệp chip	25
Ngành công nghiệp da Bangladesh hầu hết đều giảm so với mục tiêu đề ra	25
Trung Quốc tăng đầu tư cho sản xuất chip, AI và 5G	26
GIAO THƯƠNG	27
THÔNG TIN THAM KHẢO	28

Trong nước

- Thu hút vốn đầu tư vào sản xuất nguyên phụ liệu dệt may
- Phát triển công nghiệp điện tử tương xứng với tiềm năng
- Tăng cường hợp tác nâng cao tỷ lệ nội địa hóa ngành ô tô
- Ngành dệt may Việt Nam những tháng đầu năm 2021 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc so với cùng kỳ khi một số thị trường chính dần hồi phục
- Kim ngạch xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam trong tháng 4/2021 giảm
- Tháng 4/2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam giảm nhẹ so với tháng trước đó
- DN phải đổi mới công nghệ để đáp ứng chất lượng, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Ninh Bình tạo mọi điều kiện hỗ trợ DN CNHT
- Vietnam Silk House nghiên cứu thành công mẫu vải lụa mới
- DN Việt sản xuất vải dệt kim thành phẩm từ sợi I-Skin

Thế giới

- IBM chế tạo thành công chip nhỏ nhất thế giới
- LG Innotek hợp tác với Microsoft để phát triển cảm biến 3D
- Hàn Quốc tăng cường phát triển ngành công nghiệp chip
- Ngành công nghiệp da Bangladesh hầu hết đều giảm so với mục tiêu đề ra
- Trung Quốc tăng đầu tư cho sản xuất chip, AI và 5G ▣

Thu hút vốn đầu tư vào sản xuất nguyên phụ liệu dệt may

Ngành dệt may trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm trước khi một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dần hồi phục và tận dụng tốt cơ hội từ các Hiệp định FTAs đã ký kết và đi vào thực thi. Ở thời điểm hiện tại, phần lớn doanh nghiệp (DN) may trong ngành đã có đơn hàng đến hết quý III, thậm chí nhiều DN có đơn hàng cho cả năm 2021.

Thị trường dệt may toàn cầu có sự hồi phục bởi các gói hỗ trợ về kinh tế và các thông tin tích cực về vắc xin; nhu cầu các mặt hàng nói chung và hàng may mặc nói riêng đã phần nào hồi phục trở lại. Việc chuyển dịch đơn hàng từ các quốc gia cạnh tranh, đặc biệt từ Myanmar giúp cho Việt Nam đón nhận một lượng đơn hàng đột biến ngay từ quý I/2021.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 4/2021 tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 4 tháng đầu năm nay, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 7,8% so với cùng kỳ.

Đối với sản xuất sợi, trong 4 tháng đầu năm nay, sản xuất sợi tơ (filament) tổng hợp đạt sản lượng cao nhất- 513,4 nghìn tấn, tăng 6,52% so với cùng kỳ năm 2020. Tiếp đến là sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: Bông, đay, lanh, xơ dừa, cói... đạt gần 315 nghìn tấn, tăng 11,68%. Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% đạt 62,97 nghìn tấn, giảm 2,34% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với sản xuất vải, sản lượng vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo đạt cao nhất (208,56 triệu m²), giảm 10,29% so với cùng kỳ năm 2020. Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên đạt sản lượng cao thứ hai với 144,49 triệu m², tăng 18,73%. Sản xuất vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp đạt 105,39 triệu m², tăng 7,88%. Sản lượng vải dệt thoi khác từ sợi bông đạt 30,55 triệu m², giảm 5,88% (Bảng 1).

Gần đây, ngành dệt may đã phục hồi trở lại với khối lượng đơn hàng cao và DN cần nhiều nguyên phụ liệu để sản xuất. Điều này khiến

việc nhập khẩu nguyên phụ liệu tăng cao. Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may, da, giày (bao gồm: bông, xơ sợi dệt, vải các loại, nguyên phụ liệu dệt may, da giày) trong 4 tháng đạt 8,39 tỷ USD, tăng mạnh (22%) so với cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên, theo cam kết của các FTA, mà cụ thể là Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam- EU (EVFTA), thì DN dệt may phải đáp ứng quy tắc xuất xứ về nguyên phụ liệu. Điều này sẽ khiến DN cần tăng tìm kiếm nguồn nguyên phụ liệu trong nước, hoặc phải nhập từ các nước có FTA với EU như Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng giá sẽ cao hơn từ 8-15%. Trong khi đó, lợi ích về cắt giảm thuế quan của EVFTA có thể chưa đủ bù đắp để dệt may Việt Nam có giá bán cạnh tranh so với đối thủ.

Trong bối cảnh đó, việc đầu tư vào phần cung thiếu hụt là vô cùng cấp thiết để ngành may mặc Việt Nam chủ động hơn trước những biến động của thị trường, nhất là giữa thời điểm đại dịch gây đứt gãy chuỗi cung như hiện nay.

Đáp ứng nhu cầu về phần cung thiếu hụt của ngành dệt may, thời gian gần đây đã có không ít dự án đầu tư mở rộng sản xuất xơ sợi, vải được cả DN trong nước lẫn quốc tế công bố. Chẳng hạn, ngày 21/5/2021, UBND tỉnh Bình Dương đã trao giấy chứng nhận điều chỉnh tăng thêm 610 triệu USD mở rộng năng lực sản xuất các sản phẩm xơ tổng hợp polyester, sản phẩm kéo sợi cotton cho Công ty TNHH Polytex Far Eastern thuộc Tập đoàn Far Eastern. Đây là một trong những dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) phục vụ ngành công nghiệp dệt may có quy mô lớn của Tập đoàn Far Eastern đầu tư vào Việt Nam sau khi DN này phát triển ở thị trường Trung Quốc và Đài Loan.

Công ty cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY) cho biết, sản phẩm xơ sợi tổng hợp PSF của Công ty được nhiều DN dệt may miền Bắc thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) đồng ý bao tiêu sản phẩm. Với sự cải thiện của thị trường trong 6 tháng qua, các DN

Bảng 1: Sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành dệt may và sản phẩm may mặc trong tháng 4 và 4 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T4/2021	T4/2021 so T3/2021 (%)	T4/2021 so T4/2020 (%)	4 tháng năm 2021	4T/2021 so 4T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành dệt may						
Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1000 cái	48.634	8,08	22,53	167.173	11,82
Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	137.923	3,92	10,14	513.399	6,52
Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	17.052	2,23	24,50	62.971	-2,34
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	83.432	1,42	22,41	314.997	11,68
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m2	8.298	10,76	17,47	30.550	-5,88
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	40.980	11,01	31,30	144.486	18,73
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m2	59.601	0,57	0,30	208.565	-10,29
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	28.684	3,19	36,44	105.385	7,88
Các sản phẩm may mặc						
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	42.960	2,93	56,16	160.324	23,86
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	59.791	-9,27	20,11	254.048	6,66
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	202.134	3,77	21,19	729.038	4,97
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	1000 cái	2.009	10,79	14,35	7.362	0,72
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	7.674	3,54	41,35	27.220	3,38
Màn bằng vải tuyền	1000 cái	7.642	1,25	1,93	29.239	-17,12
Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	15.239	16,00	11,70	56.339	16,90
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	44.589	4,46	57,36	164.640	7,52

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

dệt may thuộc Vinatex đã phục hồi nhanh chóng nên nhu cầu về xơ PSF tăng cao hơn bao giờ hết. Các DN Việt Nam nhận được đơn hàng đến hết quý III/2021. Bên cạnh đó, nhu cầu đầu tư phát triển cũng như kế hoạch xây dựng nhà máy mới của các đơn vị trong Vinatex cũng tăng cao. Riêng khu vực Nam Định, dự kiến đến đầu năm 2022 sẽ có thêm khoảng 3 nhà máy với tổng cộng hơn 15 vạn cọc sợi. Đây là tín hiệu tốt từ thị trường trong nước, nâng nhu cầu về xơ PSF lên cao hơn nữa. Tới đây, VNPOLY sẽ ký tiếp các hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ sản phẩm với các đơn vị tại TP. Huế - khu vực miền Trung và TP. Hồ Chí Minh - khu vực miền Nam.

Trong hơn 2 năm qua, VNPOLY đã cùng đối tác chiến lược Sinkong - Đài Loan (Trung Quốc) triển khai sản xuất sợi tổng hợp DTY, nâng dần công suất chạy máy lên tới 27 dây chuyền với công suất khoảng 40 tấn/ngày. VNPOLY cũng đã xây dựng kế hoạch hợp tác với các đối tác 5 năm (2021- 2025) và đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chấp thuận. Theo kế hoạch này, từ năm 2022 trở đi, VNPOLY sẽ vận hành toàn bộ Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester tái sinh và nguyên sinh.

Trong quý I năm 2021, VNPOLY và các đối tác đã sản xuất được gần 2.000 tấn sợi các loại với chất lượng sản phẩm sợi tái sinh loại AA bình quân đạt 90,5%. Với sản lượng này, cộng thêm sợi DTY do VNPOLY sản xuất cho đối tác nước ngoài đã được một số khách hàng lớn có thương hiệu nổi tiếng thế giới như: Adidas, Target đặt hàng, lợi nhuận trước định phí của VNPOLY ước đạt 6,58 tỷ đồng.

Cũng liên quan đến sản xuất xơ sợi, cuối tháng 4/2021 vừa qua, Công ty CP Sợi Thế Kỷ đã thông báo khởi động lại dự án nhà máy sản xuất sợi tổng hợp Unitex tại Tây Ninh. Đây là dự án có tổng công suất 60.000 tấn, tập trung vào phân khúc sợi tái chế, sợi có chất lượng cao và sợi đặc biệt. Dự án có tổng đầu tư khoảng 120 triệu USD và khi đi vào vận hành sẽ nâng công suất của Sợi Thế Kỷ lên gấp đôi. Nhà máy khởi công xây dựng giai đoạn 1 từ năm 2021. Năm 2023, nhà máy đưa vào hoạt động giai đoạn 1 và khởi công xây dựng giai đoạn 2. Đến năm 2025 sẽ hoàn thành giai đoạn 2. Nhà máy tập trung sản

xuất sợi tái chế, sợi chất lượng cao, và sợi đặc biệt. Theo ước tính của Sợi Thế Kỷ, nhà máy mới sẽ giúp công ty đạt tốc độ tăng trưởng bình quân năm (CAGR) vào khoảng 20% trong giai đoạn 2021- 2025.

Ngoài Sợi Thế Kỷ, Tổng công ty May Việt Tiến (VGG) gần đây đã lên kế hoạch đầu tư nhà máy vải thông qua việc thành lập Công ty TNHH Việt Thái Tech. Dự án Việt Thái Tech với tổng vốn đầu tư 20 triệu USD, là liên doanh giữa VGG và 2 đối tác chiến lược là Luenthai và Newtech. Dự án này sẽ giúp VGG chủ động nguồn nguyên liệu và đáp ứng các yêu cầu khắt khe về chất lượng từ khách hàng. Do đó, sẽ giúp VGG dễ dàng gắn kết vào chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu hơn trong tương lai, góp phần cải thiện biên lợi nhuận của công ty. Dự án Việt Thái Tech sẽ giúp VGG đáp ứng quy tắc xuất xứ của các Hiệp định thương mại trong tương lai. Bởi lẽ, hơn 13% tổng doanh thu năm 2020 của VGG đến từ doanh thu xuất khẩu sang EU, nên khi VGG đáp ứng được quy tắc xuất xứ từ EVFTA, Công ty sẽ có nhiều khả năng mở rộng xuất khẩu sang EU.

Cùng xu thế này, Công ty CP Dệt may đầu tư thương mại Thành Công (TCM) cũng có kế hoạch đầu tư nhà máy nhuộm và đan của dự án Vĩnh Long trong 2022 để hoàn thiện chuỗi cung ứng.

Có thể thấy, sự phục hồi của thị trường cùng hiệu ứng từ các Hiệp định thương mại tự do được cho là động lực thu hút vốn đầu tư từ các DN vào lĩnh vực nguyên phụ liệu của ngành dệt may Việt Nam trong các tháng qua. Với việc gia tăng đầu tư như hiện nay, các DN dệt may kỳ vọng trong tương lai gần, ngành này sẽ chủ động được phần cung thiếu hụt, từ đó tận dụng tốt các FTA mà Việt Nam đã ký kết.

Đáp ứng quy tắc xuất xứ là yêu cầu tiên quyết để ngành dệt may hưởng ưu đãi bền vững từ các FTA - động lực tăng trưởng bền vững cho ngành. Do vậy, trong thời gian tới, DN dệt may cần tiếp tục được hỗ trợ phát triển các khu công nghiệp theo chuỗi khép kín; có chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, môi trường riêng cho ngành dệt; bỏ thuế VAT khi mua nguyên phụ liệu trong nước; giảm chi phí logistics.

Bên cạnh đó, cần thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu về nguyên phụ liệu để gia tăng hàm lượng nội địa cho hàng hóa XK. Trước mắt, cần thu hút và cấp phép cho các dự án dệt nhuộm, nhất là dự án có trình độ thiết bị công nghệ tiên tiến và quy trình xử lý nước thải bảo đảm thân thiện môi trường.

Được biết, cùng với sự hỗ trợ của Chính phủ,

thời gian qua ngành dệt may trong nước đã chủ động gắn kết giữa DN sản xuất nguyên phụ liệu với DN dệt may để cân bằng cung- cầu; tìm hiểu nhu cầu khách hàng để tìm kiếm chủng loại nguyên phụ liệu phù hợp trong nước. Tập đoàn Dệt may Việt Nam cũng đã và đang tăng cường đầu tư vào lĩnh vực nguyên phụ liệu đầu vào (sợi, dệt) tạo nguồn nguyên phụ liệu chủ động cho DN 

Phát triển công nghiệp điện tử tương xứng với tiềm năng

Được đánh giá là một nền kinh tế năng động tại châu Á, Việt Nam đang là 1 mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối với các sản phẩm CNHT, với lợi thế có nguồn nhân công khéo léo, tay nghề cao, giá cả hợp lý và công nghệ hiện đại, Việt Nam có thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về chất lượng, sự chính xác của các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Thời gian qua, sản xuất kinh doanh các sản phẩm điện tử nhìn chung tăng trưởng khá cao. Xuất khẩu ngành điện tử Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn từ 2010-2019 trên 50%. Nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện xuất khẩu năm 2020 đạt 44,7 tỷ USD, tăng 24,4% so với năm 2019.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam trong 10 năm gần đây luôn ở mức cao, tuy nhiên, ngành điện tử Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu trong chuỗi sản xuất sản phẩm điện tử. Để phát triển ngành công nghiệp điện tử tương xứng với tiềm năng, Việt Nam cần thay đổi năng lực sản xuất từ sản xuất lắp ráp đơn thuần sang sản xuất chế tạo, lắp ráp có giá trị gia tăng cao hơn.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 4 tháng đầu năm 2021, nhiều sản phẩm CNHT ngành điện tử có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $\leq 1000V$ tăng 30,56%; cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác tăng 27,2%; ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn

âm cực quang điện khác tăng 27,14%; bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán tăng 21,11%; bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng tăng 19,22%; loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng 15,94%; Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 9,92%; mạch điện tử tích hợp tăng 4,05%;...

Ngược lại, số ít các sản phẩm CNHT có sản lượng 4 tháng giảm so cùng kỳ năm trước như: Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp $\leq 1000 V$ chưa được phân vào đầu giảm 30,95%; tai nghe không nối với micro giảm 30,12%;...

Theo đánh giá của Bộ Công Thương, ngành công nghiệp điện tử Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn đầu trong chuỗi sản xuất sản phẩm điện tử. Doanh thu ngành công nghiệp phần cứng và điện tử chiếm khoảng 90% toàn ngành công nghệ thông tin, nhưng trên thực tế giá trị được nắm giữ chủ yếu bởi các DN đầu tư nước ngoài (FDI) và các DN trong nước chỉ tập trung vào lắp ráp và thực hiện những dịch vụ thương mại.

Thực tế hiện nay, ngành công nghiệp điện tử Việt Nam chỉ lắp ráp các bộ phận và gia công đơn giản; các hợp phần hay thiết bị chuyên ngành vẫn chưa đạt được bất kỳ tiến bộ nào. Sự phát triển ấn tượng của ngành điện tử Việt Nam những năm qua chủ yếu thể hiện ở khâu thu hút sự đầu tư lớn từ các tập đoàn đa quốc gia, nhất là các tập đoàn từ Hàn Quốc, Nhật Bản. Các dự

Bảng 2: Sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT và thành phẩm của ngành điện tử trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T4/2021	T4/2021 so T3/2021 (%)	T4/2021 so T4/2020 (%)	4 tháng 2021	4T/2021 so 4T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành điện tử						
Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đâu	Kg	1.031.568	13,94	23,66	3.525.545	0,16
Bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Tấn	1.374	-4,31	57,10	5.127	19,22
Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự)	Tấn	135	0,75	22,73	517	21,11
Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	11.612	7,49	19,37	51.406	27,20
Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng	Tấn	29.714	13,59	24,30	110.588	9,92
Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V	Tấn	18.192	-2,46	38,34	67.773	30,56
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	21.663.843	-4,45	92,15	83.602.484	15,94
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	674.509	28,21	-3,00	2.935.193	4,05
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Chiếc	24.000.469	-2,52	30,99	100.518.422	27,14
Tai nghe không nối với micro	Cái	3.505.000	12,71	-15,69	12.961.808	-30,12
Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đâu	Cái	984.622	18,31	-10,74	2.986.093	-30,95
Các sản phẩm điện tử						
Màn hình khác (trừ loại sử dụng với máy xử lý dữ liệu tự động)	Cái	1.619.557	3,37	279,53	5.380.936	59,45
Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng	Chiếc	142.119	87,95	-1,77	387.473	-15,77
Máy thu hình (Tivi,...)	Cái	1.047.395	-15,91	9,31	5.277.441	19,73
Máy tính bảng có giá dưới 3 triệu	Cái	150.500	-7,76	-82,51	696.890	-76,59
Máy tính bảng có giá từ 3 đến dưới 6 triệu	Cái	260.481	-58,78	-37,65	1.788.591	76,53
Máy tính bảng có giá từ 6 - dưới 10 triệu	Cái	180.896	-12,93	30,74	613.127	54,07

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

án đầu tư bằng vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất điện tử đang chiếm tới 95% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành hàng này.

Năng lực các DN trong nước còn nhiều hạn chế, chất lượng, mẫu mã sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu cao của thị trường. Nhiều DN điện tử nội địa có tiếng trước đây đang có xu hướng phát triển chậm lại hoặc mất dần thương hiệu và chiếm thị phần nhỏ.

Mặt khác, tỷ lệ nội địa hóa ngành điện tử hiện cũng rất thấp, chỉ khoảng 5- 10%. Các DN CNHT ngành điện tử trong nước dù có tham gia vào chuỗi giá trị của ngành, nhưng mới cung cấp được các sản phẩm đơn giản có giá trị, hàm lượng công nghệ thấp... Các DN trong nước chỉ mới tham gia khâu hoàn thiện các sản phẩm bao bì, sách hướng dẫn, linh kiện nhựa mà chưa làm được các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Số DN sản xuất linh kiện chỉ chiếm khoảng 52,28%...

Các sản phẩm điện tử trên thị trường Việt Nam đa số là hàng nhập khẩu nguyên chiếc hoặc lắp ráp trong nước bằng phần lớn các linh kiện nhập khẩu. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do năng lực các DN nội địa trong ngành còn nhiều hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu cao của thị trường cũng như của các DN FDI. Sự liên kết giữa các DN cung ứng trong nước với các DN FDI và các Tập đoàn đa quốc gia vẫn còn mờ nhạt, mặc dù thời gian qua, Bộ Công Thương đã và đang triển khai nhiều chương trình, dự án hợp tác quốc tế. Các DN FDI đã có những chính sách nhất định nhằm hỗ trợ các nhà cung ứng nội địa và bản thân các DN trong nước cũng rất nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh để gia nhập vào chuỗi cung ứng của các FDI. Đơn cử như với Samsung Việt Nam, số nhà cung ứng cấp 1 thuần Việt cho Samsung đã tăng từ 4 nhà cung ứng năm 2014 lên 50 nhà cung ứng năm 2020. Với Panasonic Việt Nam hiện cũng có 4 DN Việt Nam cung ứng sản phẩm và giá trị cung ứng mới chiếm khoảng 10% giá trị linh kiện đầu vào sản xuất của Panasonic. Canon Việt Nam cũng liên tục tìm kiếm nhà cung cấp Việt Nam để tăng tỷ lệ nội địa hóa.

Để thúc đẩy ngành công nghiệp điện tử phát triển nhanh, bền vững, tận dụng được những lợi thế vốn có, thời gian tới cần lưu ý một số giải pháp sau:

Đối với cơ quan quản lý: Cần tập trung nghiên cứu xác định rõ chiến lược phát triển của ngành; trong đó, chú trọng tới việc xác định sản phẩm cốt lõi, có sức đột phá để thúc đẩy ngành điện tử phát triển nhanh và hiệu quả hơn. Xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đẩy nhanh ứng dụng công nghệ cao, ngành công nghiệp điện tử trên cơ sở liên kết giữa nhà nước- DN- cơ sở đào tạo, khuyến khích thông qua hình thức hợp tác công- tư.

Cùng với đó, tập trung hỗ trợ một số DN triển vọng của Việt Nam trong lĩnh vực điện tử nhằm tạo cơ hội cho các DN này phát triển, đóng vai trò dẫn dắt thị trường điện tử trong nước; tạo ra các hệ sinh thái, mạng lưới sáng tạo thông qua giáo dục, đào tạo về phần mềm, kích hoạt mạng lưới, mở rộng các diễn đàn chuyên môn...

Bên cạnh đó, tập trung hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), không chỉ cho phần cứng mà cả phần mềm; tạo điều kiện thuận lợi để các DN khởi nghiệp và DN vừa và nhỏ có thể tham gia đổi mới sáng tạo, xây dựng mối quan hệ với các tập đoàn lớn sở hữu nền tảng tiên tiến cho sáng tạo và phát triển hơn nữa.

Đối với các DN Việt Nam: Cần có chiến lược dài hơi trong đầu tư nguồn lực để cải thiện năng lực, khoa học- công nghệ và muốn sở hữu một ngành điện tử có giá trị gia tăng cao; thúc đẩy các sản phẩm có giá trị gia tăng cao như màn hình, chất bán dẫn và linh kiện điện tử, từ đó góp phần tạo ra nhiều việc làm có giá trị gia tăng cao và tăng trưởng kinh tế.

Đồng thời, chú trọng phát triển các sản phẩm cốt lõi, có sức đột phá để thúc đẩy ngành điện tử phát triển nhanh và hiệu quả hơn; chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cũng như nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực sản xuất ngành điện tử, đặc biệt là lĩnh vực sản xuất CNHT ngành điện tử ■

Tăng cường hợp tác nâng cao tỷ lệ nội địa hóa ngành ô tô

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đã có sự phát triển khá nhanh. Hiện Việt Nam có hơn 350 DN sản xuất liên quan đến ô tô, với tổng công suất lắp ráp khoảng 680.000 xe/năm. Tuy nhiên, DN trong lĩnh vực CNHT ngành ô tô Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế như phát triển chậm cả về số lượng và chất lượng so với các quốc gia trong khu vực. Ước tính, một chiếc ô tô có đến 30.000 linh kiện, nhưng DN Việt Nam chỉ sản xuất được không quá chục loại.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 4 tháng đầu năm 2021, sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành ô tô tăng trưởng khá so cùng kỳ năm 2020 như: Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ ước đạt 39,06 triệu bộ, tăng 15,71%; thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt 15,83 triệu cái, tăng 27,04%; cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải đạt gần 17,02 nghìn tấn, tăng 25,83%; phụ tùng khác của xe có động cơ đạt 274,18 triệu cái, tăng 11,75%.

Theo dự báo đến năm 2025, thị trường ô tô Việt Nam sẽ nhanh chóng tiệm cận với con số 1 triệu xe bán ra/năm. Đây chính là cơ hội lớn để các DN phát triển CNHT và ngược lại, nếu không tận dụng tốt cơ hội này thì CNHT ô tô Việt Nam sẽ tiếp tục đi sau các nước trong khu vực và chỉ dừng lại ở lắp ráp hoặc sản xuất quy mô nhỏ lẻ.

Có một thực tế là tại Việt Nam hiện nay, ngành chế biến chế tạo vẫn đang phụ thuộc lớn vào các DN FDI, CNHT trong nước chưa thực sự phát triển, do đó, nguồn cung cho các DN FDI cũng phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu. Các DN FDI không tận dụng được nguồn cung trong nước để cắt giảm chi phí sản xuất, và ngược lại các DN trong nước cũng không tận dụng được sự hiện diện của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam để tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Thực trạng trên không chỉ gây ảnh hưởng đến việc phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, mà sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng

sâu rộng trong dài hạn. Vì vậy, phát triển CNHT, tăng cường liên kết giữa DN trong nước với DN FDI có chiến lược phát triển lâu dài và hình thành chuỗi cung ứng trong nước là một trong những vấn đề cốt lõi để phát triển bền vững công nghiệp Việt Nam trong dài hạn. Vì thế, các hoạt động hợp tác hỗ trợ từ phía Nhà nước và DN được kỳ vọng sẽ tạo thêm những xung lực mới cho sự phát triển của ngành CNHT ô tô trong nước, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa ngành ô tô.

Mới đây, ngày 17/5/2021, Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) và Toyota Việt Nam đã ký kết biên bản ghi nhớ về hợp tác hỗ trợ DN trong nước trong lĩnh vực CNHT ô tô... Việc hợp tác giữa Cục Công nghiệp và Toyota Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều giá trị thiết thực, góp phần nâng cao năng lực, tăng khả năng tiếp cận chuỗi sản xuất toàn cầu cho các DN công nghiệp Việt Nam.

Theo dự kiến, dự án này sẽ được triển khai từ năm 2021 đến 2022. Đây là năm thứ hai Toyota Việt Nam và Cục Công nghiệp ký kết thỏa thuận hợp tác hỗ trợ các DN trong nước. Qua đó, Toyota Việt Nam sẽ góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và hỗ trợ các nhà cung cấp Việt cũng như cam kết đồng hành cùng sự phát triển của nền công nghiệp ô tô và ngành CNHT Việt Nam.

Trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa Cục Công nghiệp và Toyota Việt Nam, hai bên sẽ tập trung hợp tác nhằm hỗ trợ các DN sản xuất linh kiện ô tô trong nước để tăng năng lực, tăng liên kết với các nhà lắp ráp ô tô, nhằm từng bước xây dựng chuỗi cung ứng trong ngành CNHT, nâng cao khả năng của nhà cung ứng nội địa.

Đơn cử như sàng lọc các DN sản xuất tiềm năng về phụ tùng, linh kiện để kết nối với nhà sản xuất, lắp ráp ô tô, tổ chức các buổi làm việc và thăm thực tế nhà cung cấp nội địa; tìm kiếm hỗ trợ nhà cung cấp tiềm năng cấp 2 và cấp 3; hỗ trợ đào tạo...

Để thực hiện, Toyota sẽ cung cấp các tiêu chí cơ bản làm căn cứ cho Bộ Công Thương sàng lọc

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm CNHT của ngành ô tô và ô tô trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T4/2021	T4/2021 so T3/2021 (%)	T4/2021 so T4/2020 (%)	4 tháng 2021	4T/2021 so 4T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành ô tô						
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	10.132.903	-1,70	39,52	39.057.284	15,71
Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	3.234	-3,52	14,64	17.017	25,83
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	109.234	-0,07	25,46	404.121	11,75
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	4.121.242	-1,34	66,66	15.825.765	27,04
Các sản phẩm khác						
Xe có động cơ chở được từ 10 người trở lên chưa được phân vào đầu	Chiếc	985	10,92	250,53	3.779	10,95
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Chiếc	13.956	7,39	429,64	46.947	34,76
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và < 18 tấn	Chiếc	6.592	0,50	1.879,58	22.320	171,10
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và < 20 tấn	Chiếc	2.003	15,65	118,67	6.315	47,72
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	3.819	0,16	134,65	13.068	72,21

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

dữ liệu DN phù hợp, sau đó đánh giá sơ bộ nhà cung cấp, hỗ trợ làm việc, hậu cần, chuyên gia tư vấn. Bộ Công Thương sẽ hỗ trợ pháp lý, cung cấp tư vấn viên, danh sách nhà cung cấp tiềm năng, hỗ trợ đào tạo...

Thông qua các hoạt động của dự án như tìm kiếm, đánh giá, lựa chọn các nhà cung cấp

tiềm năng, và hỗ trợ, cùng làm việc với họ để nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh cho các nhà cung cấp... Toyota Việt Nam hy vọng sẽ góp phần xây dựng hệ thống các nhà cung cấp, đóng góp vào sự phát triển của CNHT ô tô Việt Nam.

Đối với Toyota Việt Nam, việc đẩy mạnh nội địa

hóa không chỉ đơn thuần là gia tăng số lượng nhà cung cấp Việt mà quan trọng hơn là nâng cao năng lực, chất lượng của nhà cung cấp, từ đó giảm chi phí sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh.

Điển hình như Nhà máy Nhựa Hà Nội, sau một năm được Toyota hỗ trợ, đã cắt giảm chi phí ước tính khoảng 2,8 tỷ đồng qua cải tiến về khuôn, trung bình năng suất lao động tăng 10%. Tương tự, với LeGroup, với sự hỗ trợ của Toyota trong sản xuất đã giúp thời gian chuyển đổi khuôn giảm từ 30 phút xuống còn 10 phút, tăng hiệu suất lao động từ 80% tới 93%, cắt giảm được 8 máy dập, đồng thời tiết kiệm được khoảng 500 m² diện tích nhà xưởng...

Tổng Giám đốc Công ty Ô tô Toyota Việt Nam - Hiroyuki Ueda cho biết, lợi thế của ngành CNHT Việt Nam là nguồn nhân lực chất lượng cao, giá nhân công thấp. Hiện nay, ngành CNHT Việt Nam đang gặp khó khăn để phát triển do năng lực cung ứng hạn chế, sản lượng sản xuất còn nhỏ. Công nghiệp vật liệu chất lượng cao chưa có nên nguyên liệu phải nhập khẩu. Các DN Việt Nam còn hạn chế về mặt kinh nghiệm và năng lực quản trị sản xuất nên chi phí sản xuất

linh kiện của Việt Nam cao hơn nhiều, gấp 2- 3 lần so với các nước trong khu vực.

Hiểu được những khó khăn của các nhà cung cấp trong việc nâng cao năng lực để tham gia vào chuỗi cung ứng, trong nhiều năm qua, Toyota thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các DN CNHT, góp phần gia tăng tỉ lệ nội địa hóa. Đơn cử như năm 2018, DN đã thành lập bộ phận chức năng chuyên trách, đào tạo và phát triển nhân sự cho nhà cung cấp, nên hiện đã có 46 nhà cung cấp nội địa, trong đó có 6 nhà cung cấp thuần Việt. Năm 2020, Bộ Công Thương đã đi khảo sát thực tế, đánh giá hiện trường và sàng lọc được 200 nhà cung ứng tiềm năng. Trên cơ sở đó, Toyota tiếp tục lựa chọn một số DN trong tổng số 200 DN trên để tư vấn chuyên sâu, đưa vào danh sách đánh giá để được xét duyệt tham gia chuỗi cung ứng của Toyota.

Những kết quả ban đầu đạt được từ việc thực hiện các nội dung thoả thuận trong Biên bản ghi nhớ ký kết năm 2020 giữa Cục Công nghiệp và Công ty Ô tô Toyota Việt Nam là minh chứng cho nỗ lực của cả hai bên trong việc hình thành và phát triển mạng lưới DN CNHT ngành ô tô. □



Ngành dệt may Việt Nam những tháng đầu năm 2021 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc so với cùng kỳ khi một số thị trường chính dần hồi phục

Ngành dệt may trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021 đã có nhiều tín hiệu khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm trước khi một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam dần hồi phục và tận dụng tốt cơ hội từ các Hiệp định Thương mại tự do đã ký kết và đi vào thực thi. Do đó, hầu hết các mặt hàng dệt may của Việt Nam đều đã bằng hoặc lấy lại đà tăng trưởng so với thời điểm trước khi xảy ra đại dịch Covid-19. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy xuất khẩu chung của Việt Nam trong năm 2021.

Tháng 4/2021, xuất khẩu nguyên phụ liệu (NPL) dệt may giảm nhẹ so với tháng 03/2021

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 4/2021, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may và NPL đạt trên 3,16 tỷ USD, giảm 8,99% so với tháng 3/2021 nhưng lại tăng 61,7% so với tháng 4/2020. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu nhóm hàng dệt may và NPL đạt 12,22 tỷ USD, tăng 16,39% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hàng

dệt may đạt 9,66 tỷ USD, tăng 11,72%; xuất khẩu sợi đạt 1,68 tỷ USD, tăng 47,89%; xuất khẩu NPL đạt 654,29 triệu USD, tăng 16,94% và vải mảnh vải kỹ thuật khác đạt 227,04 triệu USD, tăng 43,01% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê, tháng 5/2021, tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may và NPL đạt khoảng 2,94 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng 4/2021 và giảm 10,8% so với tháng 5/2020. (Các phân tích chi tiết xuất khẩu các mặt hàng CNHT ngành dệt may, vui lòng liên hệ Ban biên tập) 

Bảng 4: Xuất khẩu các sản phẩm CNHT và thành phẩm ngành dệt may tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 4/2021 (Triệu USD)	So với T3/2021 (%)	So với T4/2020 (%)	4T/2021 (Triệu USD)	So với 4T/2020 (%)
Tổng	3.166,61	-8,99	61,70	12.223,66	16,39
Hàng dệt, may	2.458,78	-9,73	52,76	9.661,11	11,72
Xơ, sợi dệt các loại	464,10	-9,20	120,16	1.681,22	47,89
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	182,00	-0,90	49,83	654,29	16,94
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	61,73	1,80	274,92	227,04	43,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu nhóm hàng NPL dệt may của Việt Nam tháng 4 năm 2021 tăng mạnh so với tháng trước

Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- EU, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực được coi là đòn bẩy, động lực, giải pháp cho ngành dệt may trước những biến động trên toàn cầu.

Để hỗ trợ DN xuất khẩu, các cơ quan quan rlys nhà nước sẽ tìm giải pháp phát triển thị trường và tháo gỡ rào cản để thâm nhập các thị trường mới. Đặc biệt, ưu tiên triển khai các hoạt động xúc tiến xuất khẩu và các thị trường xuất khẩu sớm khôi phục sau đại dịch. Tập trung theo dõi sát tình hình từng thị trường để rà soát, xác định các chủng loại hàng hóa mà các nước đang có nhu cầu nhập khẩu để khai thác, thúc đẩy xuất khẩu.

Đồng thời, củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường nhỏ và thị trường ngách. Đa dạng hoá cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm xuất khẩu, phát triển thương hiệu.

Theo số liệu thống kê, tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may tháng 4/2021 đạt trên 2,6 tỷ USD, tăng 14,65% so với tháng 3/2021 và tăng 48,98% so với tháng 4/2020. Tính đến hết 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu nhóm hàng này đạt 8,39 tỷ USD, tăng 22,59% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó nhập khẩu vải các loại đạt 4,39 tỷ USD, tăng 23,46%; NPL dệt may đạt 2,13 tỷ USD, tăng 25,2%; bông các loại đạt 995,96 triệu USD, tăng 13,16%; xơ sợi các loại đạt 875,1 triệu USD, tăng 23,62% so với cùng kỳ năm 2020.

Theo số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê, tháng 5/2021, tổng kim ngạch nhập khẩu NPL dệt may đạt khoảng 2,68 tỷ USD, giảm 2,9% so với tháng 4/2021 nhưng lại giảm tăng 4,19% so với tháng cùng kỳ năm 2020 (Các phân tích chi tiết xuất khẩu các mặt hàng CNHT ngành dệt may, vui lòng liên hệ Ban biên tập) □

Bảng 5: Nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may của Việt Nam tháng 4 năm 2021

Mặt hàng	Tháng 4/2021 (Triệu USD)	So với T3/2021 (%)	So với T4/2020 (%)	4T/2021 (Triệu USD)	So với 4T/2020 (%)
Tổng	2.606,48	14,65	48,98	8.394,00	22,59
Vải các loại	1.411,84	29,61	52,80	4.390,96	23,46
Nguyên phụ liệu dệt, may	632,79	2,47	47,06	2.131,97	25,20
Bông các loại	318,75	1,95	35,75	995,96	13,16
Xơ, sợi dệt các loại	243,10	-4,32	51,45	875,10	23,62

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Kim ngạch xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam trong tháng 4/2021 giảm

Bước sang năm 2021, dịch bệnh Covid-19 với biến thể mới diễn biến nhanh và phức tạp, xuất hiện trở lại trong cộng đồng trong những tháng đầu năm đã gây nhiều khó khăn cho ngành sản xuất điện tử. Tuy nhiên, xuất khẩu các sản phẩm điện tử phần lớn là thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó điện thoại và linh kiện chiếm 99,1%; điện tử, máy tính và linh kiện chiếm 98%. Xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng mạnh là do nhu cầu thị trường tăng cao (ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn đến người lao động bắt buộc phải làm việc tại nhà). Ngoài ra, dịch bệnh Covid-19 khiến các công ty sản xuất máy tính tại Trung Quốc- công xưởng sản xuất của thế giới phải đóng cửa, nhiều DN trang bị máy tính cá nhân cho lao động làm việc tại nhà, không đến công sở làm việc để phòng chống dịch bệnh lây lan.

Trong quý I/2021, Việt Nam đã cấp chứng nhận đầu tư mới và điều chỉnh vốn cho nhiều dự án có quy mô vốn đầu tư lớn và đều là những dự án có ý nghĩa rất lớn trong thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam về ngành điện tử, như: Dự án LG Display Hải Phòng (Hàn Quốc) điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 750 triệu USD; dự án Nhà máy

Fukang Technology (Singapore) với vốn đầu tư đăng ký 293 triệu USD để thực hiện việc sản xuất, gia công máy tính bảng và máy tính xách tay tại Bắc Giang.

Về xuất khẩu: Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, sau khi tăng khá ở tháng 3/2021 thì trong tháng 4/2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt trên 3,89 tỷ USD, giảm 16,81% so với tháng 3/2021, nhưng lại tăng 28,31% so tháng 4/2020. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt 15,84 tỷ USD, tăng 30,58% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm trên 15,1% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước.

Trong đó, xuất khẩu mặt hàng này của các DN FDI trong tháng 4/2021 đạt trên 3,82 tỷ USD, giảm 16,85% so với tháng trước nhưng lại tăng 48,72% so với tháng 4/2020 và chiếm trên 98,22% tổng kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử của cả nước. Lũy kế hết 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử của khối DN FDI đạt trên 15,55 tỷ USD, tăng 48,53% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 98,14% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước.

Bảng 6: Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng linh kiện điện tử trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	Tháng 4/2021 (Triệu USD)	So tháng 3/2021 (%)	So tháng 4/2020 (%)	4T/2021 (Triệu USD)	So tháng 4T/2020 (%)
Bộ vi xử lý	756,34	-44,22	-20,76	4.367,60	9,46
Màn hình các loại và linh kiện	613,06	21,23	39,49	2.372,62	28,55
Điốt - thiết bị bán dẫn	396,91	-3,26	-47,35	1.679,47	-15,46
Máy tính xách tay, máy tính bảng	423,53	121,17	49,22	1.575,51	92,84
Bộ nhớ	459,67	113,85	105,56	1.473,16	109,62
Máy in, máy photocopy và LK	289,89	1,73	18,58	912,54	-9,58
Tivi	236,89	61,49	54,88	832,14	50,51

Chủng loại	Tháng 4/2021 (Triệu USD)	So tháng 3/2021 (%)	So tháng 4/2020 (%)	4T/2021 (Triệu USD)	So tháng 4T/2020 (%)
Thiết bị âm thanh	214,59	-9,94	-19,38	777,59	-19,08
Mạch các loại	103,88	17,27	-44,91	412,67	-24,45
Vì mạch tích hợp	54,68	-25,70	-48,93	217,59	-38,80
Thiết bị chuyển đổi tín hiệu	66,14	26,48	-21,59	189,33	-10,89
Máy scan, máy quét	45,28	54,59	11,07	169,76	28,13
Card các loại và linh kiện	34,99	61,12	-16,77	118,14	29,81
Máy tính để bàn	22,77	468,93	197,34	101,70	382,02
Thiết bị thu phát	24,86	3,80	13,59	94,14	7,01
Ổ đĩa vi tính	17,95	-15,27	-3,17	62,03	4,27
Camera - máy ảnh và linh kiện	11,74	-94,08	-92,08	36,96	-95,43
Chuột máy tính	9,38	7,03	-42,65	32,14	-37,18
Bo mạch	6,70	250,25	233,84	30,10	155,61
Tụ các loại	4,84	44,31	-9,02	24,17	54,02
Thiết bị khuếch đại	4,84	84,82	84,90	20,23	81,54
Micro	4,88	18,66	10,13	20,08	5,61
Điện trở	3,94	26,78	-80,07	14,62	-67,79
Máy nghe nhạc	2,05	93,73	-4,04	5,20	-24,35
Chip khuếch đại	0,70	-23,81	-38,94	3,49	12,76
Máy chiếu	0,60	96,84	165,13	2,53	28,18
Tinh thể điện áp	0,39	476,29	4,57	1,20	123,18
Đầu đọc đĩa, thẻ và linh kiện	0,11	-96,52	-96,35	0,42	-96,22
Vỏ máy tính	0,02	-98,54	-99,02	0,15	-97,45
Bộ cộng hưởng	0,02	289,11	38,41	0,08	125,32
Cuộn dao động	0,01	99,82		0,02	60,95

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu: Nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của cả nước trong tháng 4/2021 đạt trên 5,68 tỷ USD, giảm 4,68% so với tháng trước nhưng lại tăng 48,43% so với tháng 4/2020. Tính đến hết 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 22,22 tỷ USD, tăng 26,41% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 21,52% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước.

Tháng 4/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của khối DN FDI đạt trên 5,33 tỷ USD, giảm 3,43% so với tháng trước nhưng lại tăng 75,38% so với tháng 4/2020 và chiếm trên 93,89% tổng kim ngạch nhập khẩu. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch nhập khẩu của khối DN FDI đạt 20,7 tỷ USD, tăng 41,02% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,16% tổng kim ngạch nhập khẩu.

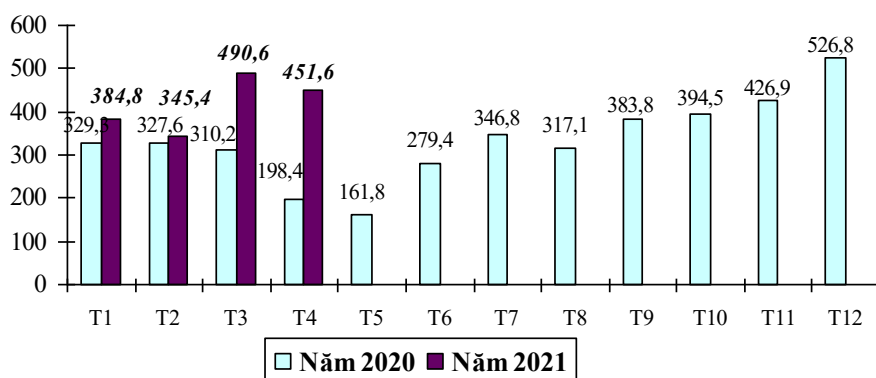
Bảng 7: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng linh kiện điện tử trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	Tháng 4/2021 (Triệu USD)	So tháng 3/2021 (%)	So tháng 4/2020 (%)	4T/2021 (Triệu USD)	So tháng 4T/2020 (%)
Bộ vi xử lý	1.334,92	-16,34	25,15	5.814,57	26,76
Vi mạch tích hợp	1.664,40	12,08	46,79	5.745,21	-9,38
Màn hình các loại và linh kiện	660,52	1,56	153,54	2.452,63	93,67
Bộ nhớ	523,14	-7,80	122,08	2.160,68	126,92
Mạch các loại	390,99	-3,12	50,03	1.534,41	26,31
Điốt - thiết bị bán dẫn	321,43	-18,64	2,65	1.387,28	4,35
Bo mạch	148,75	8,34	71,39	521,48	62,01
Tụ các loại	111,52	-7,86	64,45	437,59	18,09
Thiết bị âm thanh	78,11	4,53	-13,30	285,77	-30,44
Chip khuếch đại	57,16	-19,05	189,80	259,01	121,19
Máy tính xách tay, máy tính bảng	63,55	-15,00	28,19	245,40	82,17
Máy in, máy photocopy và LK	60,63	-13,04	-61,62	239,54	-61,03
Tivi	26,43	-16,34	103,97	142,87	170,98
Máy tính để bàn	31,27	-19,91	56,90	134,72	53,22
Chuột máy tính	27,16	0,56	-6,51	131,73	-29,67
Ổ đĩa vi tính	30,47	-27,39	32,48	128,17	50,69
Card các loại và linh kiện	29,24	-9,62	512,23	100,33	458,58
Điện trở	22,51	-9,48	-35,23	89,94	-20,81
Micro	11,38	-29,28	79,65	66,93	36,60
Thiết bị thu phát	12,04	-7,55	-1,69	52,22	4,09
Tinh thể điện áp	12,28	-7,91	97,70	48,83	88,71
Máy scan, máy quét	7,43	-60,07	-18,39	37,01	39,52
Pin máy tính	7,96	-21,72		30,97	
Thiết bị khuếch đại	3,42	15,92	64,10	12,90	33,58
Thiết bị chuyển đổi tín hiệu	1,45	-52,45	-59,64	10,58	-16,79
Máy chiếu	2,36	29,77	13,65	7,59	-3,44
Máy nghe nhạc	0,82	42,79	-5,23	3,11	66,79
Đầu đọc đĩa, thẻ và linh kiện	0,87	49,34	-56,36	2,35	-53,69
Đèn điện tử	0,19	-79,02	45,43	1,23	45,21
Camera - máy ảnh và linh kiện	0,26	3,78	-99,82	1,01	-99,88
Bộ cộng hưởng	0,24	-24,06	-60,86	0,91	-62,99
Vỏ máy tính	0,17	-24,37	-60,65	0,85	-37,33
Bóng cao tần	0,18	169,34	2.333,64	0,31	440,52
Lò vi sóng và thiết bị	0,02	222,30	29,78	0,21	64,32
Cuộn dao động	0,01	-74,29	-50,77	0,13	49,06

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4/2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam giảm nhẹ so với tháng trước đó

Biểu đồ 1: Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô năm 2020 và năm 2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 4 năm 2021, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của cả nước đạt 451,55 triệu USD, giảm 7,95% so với tháng trước và tăng 127,55% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng 4 tháng năm 2021, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô vào nước ta đạt 1,67 tỷ USD, tăng 43,39% so với 4 tháng năm 2020.

Về thị trường nhập khẩu

Trong 4 tháng năm 2021, Việt Nam nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô chủ yếu từ các thị trường Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan; trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hàn Quốc, đạt trị giá 445,18 triệu USD, chiếm 26,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, tăng 52,09% so với 4 tháng đầu năm 2020; thị trường lớn thứ hai cung cấp linh kiện phụ tùng ô tô cho Việt Nam đó là khối ASEAN, đạt 379,98 triệu USD, chiếm 22,7%, tăng 39,07% so với cùng kỳ năm 2020. Xếp thứ ba về kim ngạch là thị trường Trung Quốc, đạt 301,37

triệu USD, chiếm 18,01%, tăng 49,44% ...

Linh kiện phụ tùng ô tô nhập khẩu từ thị trường các nước EU đạt 55,43 triệu USD, chỉ chiếm trên 3,31% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, tăng 13,55% so với cùng kỳ.

Nhìn chung trong 4 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô các loại từ hầu hết các thị trường tăng kim ngạch so với cùng kỳ năm trước; trong đó, nhập khẩu từ thị trường Belarus và Hoa Kỳ tăng mạnh nhất ...

Về chủng loại

Trong tháng 4 năm 2021, có rất nhiều chủng loại linh kiện, phụ tùng ô tô nhập về nước ta, trong đó: Đứng đầu về kim ngạch là mã HS 8708 đạt 232,9 triệu USD, giảm 6,3% so với tháng trước. Ở vị trí thứ hai là mã HS 8407 đạt 34,04 triệu USD, giảm 23,9% so với tháng trước và tăng 154,2% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là mã HS 4011 đạt 30,81 triệu USD, giảm 8,7% và tăng 86,7%....

Bảng 8: Chứng loại nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2021

Mã HS	Mô tả mã HS	Tháng 4/2021 (USD)	So với T3/2021 (%)	So với T4/2020 (%)	KN 4T/2021 (USD)	So với 4T/2020 (%)
8708	Bộ phận và phụ tùng của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05	232.925.736	-6,3		850.558.270	
8407	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay tròn, đốt cháy bằng tia lửa điện	34.043.225	-23,9	154,2	137.103.164	63,4
4011	Lốp mới, loại dùng hơi bơm, bằng cao su	30.811.690	-8,7	86,7	121.432.126	82,3
8408	Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)	30.683.827	8,9	62,9	98.816.357	9,6
8512	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu bằng điện (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 85.39), cái gạt nước, gạt sương, gạt tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp, hoặc xe có động cơ	23.081.679	-6,2	140,6	84.560.557	63,0
9401	Ghế ngồi (trừ các loại thuộc nhóm 94.02), có hoặc không chuyển được thành giường và phụ tùng của chúng	16.660.416	-8,6		65.123.709	
8544	Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang làm bằng các sợi đơn có vỏ bọc riêng từng sợi, đã hoặc chưa gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối	13.307.267	2,6	45,0	47.654.983	2,5
8409	Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08	8.328.002	-8,0	180,5	32.421.311	102,4
9029	Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm hải lý, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc trừ các loại máy thuộc nhóm 9014 hoặc 9015; máy hoạt nghiệm	5.512.557	-7,4	95,6	22.099.685	121,3
7007	Kính an toàn, làm bằng thủy tinh cứng (đã tôi) hoặc thủy tinh đã cán mỏng	4.254.969	-10,2	12,2	16.319.270	1,0
8421	Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí	3.764.409	-2,9	-32,1	13.096.052	-40,9

Mã HS	Mô tả mã HS	Tháng 4/2021 (USD)	So với T3/2021 (%)	So với T4/2020 (%)	KN 4T/2021 (USD)	So với 4T/2020 (%)
8415	Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm kể cả các loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt	3.665.234	-15,1	-52,6	13.592.717	-51,5
8511	Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc bằng sức nén (ví dụ : magneto, dynamo magneto, bobin đánh lửa, bugi đánh lửa và nến đánh lửa (glow plugs), động cơ khởi động); máy phát điện (máy phát điện một chiều, máy phát điện xoay chiều) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên	3.541.584	-14,5	38,0	13.619.003	6,5
4016	Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng	3.519.117	-3,7	-22,1	12.274.716	-52,7
7009	Gương thủy tinh, có hoặc không có khung, kể cả gương chiếu hậu	2.293.827	-10,6	36,7	8.997.568	18,4
8527	Máy thu dùng cho điện thoại vô tuyến, điện báo vô tuyến hoặc phát thanh vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ trong cùng một khối	1.816.045	-9,2	174,2	7.073.068	50,6
8483	Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt, bánh răng và cụm bánh răng, vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả pa lăng; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng)	1.710.260	-5,7	-18,1	6.830.741	-14,6
8301	Khóa móc và ổ khoá (loại mở bằng chìa, số hoặc điện), bằng kim loại cơ bản; chốt móc và khung có chốt móc với ổ khoá, bằng kim loại cơ bản; chìa của các loại khóa trên, bằng kim loại cơ bản	1.390.712	-24,0		5.745.136	
8413	Bơm chất lỏng có hoặc không lắp dụng cụ đo lường; máy đẩy chất lỏng	1.329.642	9,9	-6,8	4.176.252	-41,2
4009	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi bằng cao su lưu hóa, trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm)	900.533	7,8	-13,3	3.178.468	-40,0

Mã HS	Mô tả mã HS	Tháng 4/2021 (USD)	So với T3/2021 (%)	So với T4/2020 (%)	KN 4T/2021 (USD)	So với 4T/2020 (%)
7320	Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép	614.461	-60,2	-54,8	3.168.327	-39,7
8539	Đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện, kể cả đèn chùm hàn kín và đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; đèn hồ quang	575.557	2,6	177,9	2.157.738	111,8
4013	Săm các loại, bằng cao su	320.511	-15,5	282,8	1.242.894	798,5
8707	Thân xe (kể cả ca-bin), dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05	260.304	-7,6		821.010	
8307	Ống dễ uốn bằng kim loại cơ bản, có hoặc không có phụ tùng lắp ghép	43.705	14,2		202.071	
8481	Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nổi hơi, bể chứa hay các loại tương tự kể cả van giảm áp và van để điều chỉnh bằng nhiệt	39.127	-5,3	-97,3	149.642	-97,9
9104	Đồng hồ lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ kiểu tương tự dùng cho xe có động cơ, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy	20.824	-8,1	39,4	142.061	-33,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan



Doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ để đáp ứng chất lượng, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu

Định hướng phát triển ngành CNHT trong thời gian tới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển CNHT với nhiều chính sách mới. Đến năm 2025, DN Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa, chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 DN đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các DN lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó DN trong nước chiếm khoảng 30%.

Năm 2030, sản phẩm CNHT đáp ứng 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa, chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp. Có khoảng 2.000 DN đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các DN lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

Hiện nay, một số ngành công nghiệp có thế mạnh của Việt Nam như điện tử, dệt may, da giày, sản xuất, lắp ráp ô tô... nhưng lại đang chậm phát triển về sản xuất nguyên phụ liệu, phụ tùng linh kiện... để hỗ trợ sản xuất. Chính vì thế, các ngành sản xuất trên phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu khiến sản xuất bị động, chi phí cao. Ngoài các DN trong nước, làn sóng DN có vốn đầu tư nước ngoài cũng đang tập trung đầu tư mạnh vào Việt Nam, khiến nhu cầu về ngành CNHT để đáp ứng nhu cầu sản xuất trở nên cấp thiết...

Theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tính đến ngày 20/3/2021, tổng vốn đầu tư FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 10,13 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2020. Có 56 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam với 17 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt gần 5 tỷ USD, chiếm 49,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Ngoài các nhà đầu tư FDI, các DN trong nước cũng đang dần ổn định và phát triển trở lại, nên

đang rất cần các DN cung ứng sản phẩm CNHT để giảm chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh. Tuy nhiên, rất ít DN trong nước đầu tư vào lĩnh vực CNHT, hoặc nếu đầu tư vào CNHT thì đa phần cũng không đáp ứng được yêu cầu của các DN FDI do sản phẩm CNHT còn đơn giản, hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong sản phẩm.

Trong đó, ngành dệt may, da giày, mặc dù là những ngành có kim ngạch xuất khẩu cao, nhưng nguyên phụ liệu dùng để sản xuất các ngành hàng này chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc (chiếm khoảng 80%). Chính vì phụ thuộc vào nguyên phụ liệu vào thị trường Trung Quốc, nên khi dịch COVID-19 xảy ra, khiến ngành dệt may, da giày không chủ động được nguồn nguyên liệu. Tương tự, một số ngành công nghiệp chủ lực khác như điện tử, sản xuất, lắp ráp ô tô... đang phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung cấp nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào nhập khẩu.

Vì vậy, để thúc đẩy sản xuất, phát triển CNHT là một trong những giải pháp quan trọng nhất để tăng khả năng thu hút FDI, giúp các DN trong nước, đặc biệt là các DN nhỏ và vừa có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các DN FDI và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia ■

Ninh Bình tạo mọi điều kiện hỗ trợ DN CNHT

Với vị trí chiến lược nằm trong vùng có các tỉnh thành phố phát triển kinh tế năng động gồm: Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh- Thanh Hóa, tỉnh Ninh Bình xác định CNHT là động lực phát triển đặc biệt quan trọng của địa phương trong thời gian tới. Bởi vậy, thời gian qua, tỉnh đã và đang triển khai nhiều giải pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi hỗ trợ DN hoạt động trong lĩnh vực này.

Trong giai đoạn 2016- 2020, Ninh Bình xác định công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, điện tử và CNHT là những ngành mũi nhọn phát triển kinh tế, góp phần vào tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp. Do đó, tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách, tạo nhiều điều kiện thuận lợi về các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng,...

Điển hình như việc UBND tỉnh Ninh Bình đã tạo điều kiện cho Tập đoàn Thành Công chuyển đổi, nâng công suất Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô lên 80.000 xe/năm và xây dựng mới Nhà máy số 2 với công suất 100.000 xe/năm tại KCN Gián Khẩu. Đối với CNHT, tỉnh đã thu hút và tạo điều kiện để Công ty TNHH Mcnex Vina đầu tư, xây dựng Nhà máy sản xuất camera modul và linh kiện điện tử của tại KCN Phúc Sơn với công suất thiết kế đạt 150 triệu sản phẩm camera modul điện thoại và mở rộng sản xuất 3 triệu camera modul cho ô tô, 96 triệu sản phẩm nút home điện thoại. Cùng với đó, tỉnh cũng tạo điều kiện cho nhiều dự án khác phát triển như: Nhà máy kính nổi CFG Ninh Bình công suất 1.200 tấn/ngày của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hạ Long tại KCN Khánh Cư; Dự án Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô của Công ty Cổ phần Sejung (công suất 570.500 sản phẩm/năm) tại Cụm công nghiệp Cầu Yên... và các dự án sản xuất CNHT cho các ngành này.

Một số sản phẩm chủ yếu trong giai đoạn 2016-2020 có mức tăng trưởng khá là: Sản lượng ô tô lắp ráp năm 2020 ước đạt 75.000 xe, gấp 11 lần so với năm 2016 và tăng bình quân 87,2%/năm; sản lượng camera modul năm 2020 ước đạt 150 triệu sản phẩm, gấp gần 3 lần so với năm 2016 và tăng bình quân 23,6%/năm; linh kiện điện tử năm 2020 ước đạt 250 triệu sản phẩm, tăng gấp 1,3 lần so với năm 2016...

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới, nhiều lĩnh vực sản xuất CNHT của Ninh Bình đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Cụ thể, lĩnh vực sản xuất linh kiện điện tử chịu tác động lớn vì thiếu hụt nguồn cung linh kiện, phụ kiện nhập khẩu sản xuất, hoặc đối với lĩnh vực sản xuất da giày cũng đang chịu cảnh thiếu nguyên liệu vì nguồn cung từ Trung Quốc đang gián đoạn khiến một số DN đang phải hoạt động cầm chừng.

Theo đó, tỉnh đã đặt ra mục tiêu quan trọng nhất lúc này đó là thúc đẩy tái cơ cấu trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trong đó xác định trọng tâm ưu tiên là lĩnh vực CNHT. Để làm được điều này, tỉnh đã đề ra nhiều mục tiêu, giải pháp quan trọng. Sở Công Thương tỉnh Ninh Bình cho biết: Giai đoạn 2021- 2025, Sở Công Thương sẽ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách

hỗ trợ, ưu đãi phát triển DN và các chính sách liên quan đến phát triển CNHT nhằm hỗ trợ các DN trong ngành đẩy mạnh phát triển, nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu. Đồng thời, tập trung các nguồn lực để phát triển ngành CNHT thành một trong các ngành công nghiệp thế mạnh của địa phương, trong đó đặc biệt ưu tiên thu hút vào lĩnh vực CNHT cho ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô và điện tử.

Ngoài ra, ngành Công Thương tỉnh Ninh Bình cũng đang tập trung vào các hoạt động chính như: Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho DN CNHT; tư vấn, hỗ trợ DN đầu tư vào lĩnh vực CNHT; xây dựng và tổ chức chương trình xúc tiến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào CNHT; tổ chức hội thảo xúc tiến thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào lĩnh vực CNHT; hỗ trợ các DN tham gia hội chợ triển lãm trưng bày các sản phẩm CNHT; tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và ngoài nước.

Đối với DN, Sở Công Thương Ninh Bình đã xây dựng kế hoạch để hỗ trợ nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu như giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất và yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm CNHT. Đồng thời, kết nối chuyên gia trong và ngoài nước để hỗ trợ trực tiếp cho các DN CNHT trong nước; hỗ trợ về nghiên cứu ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ cho các DN và các cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực CNHT; hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm...

Đặc biệt, Sở Công Thương cũng đã và đang tăng cường tư vấn, tìm kiếm, giới thiệu, cũng như hỗ trợ chuyển giao các công nghệ sản xuất hiện đại; Hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng cho các DN sản xuất sản phẩm CNHT trong nước, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của DN CNHT.

Bằng các giải pháp hỗ trợ DN CNHT thiết thực, Ninh Bình sẽ trở thành một trong những trung tâm công nghiệp phụ trợ lớn của vùng và cả nước trong thời gian tới ■

DN Việt sản xuất vải dệt kim thành phẩm từ sợi I-Skin



Công ty CP- Viện Nghiên cứu Dệt may đã thực hiện nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất vải dệt kim thành phẩm từ sợi I-Skin, đồng thời phát triển dòng sản phẩm đồ lót từ nguyên liệu này.

Hiện nay trên thế giới đã nghiên cứu ứng dụng rộng rãi sợi I-Skin để sản xuất vải dệt kim và dệt thoi, trong đó vải dệt kim là chính để thiết kế may các sản phẩm may mặc cho dòng sản phẩm quần áo thể thao, quần áo trẻ em, quần áo sát da... Tùy vào mục đích sử dụng khác nhau, sợi I-Skin có thể dệt một mình, cũng có thể dệt kết hợp với các sợi khác như sợi viscose, bông, polyester, spandex...

Việc ứng dụng nguyên liệu I-Skin trong ngành dệt may Việt Nam còn rất mới, trong khi các sản phẩm làm từ nguyên liệu này hiện nay đều phải nhập khẩu từ Đài Loan và Hàn Quốc. Chính vì thế, nghiên cứu nguyên liệu I-Skin, I-Skin pha với một số xơ khác và ứng dụng chúng để sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện có của Việt Nam là vô cùng cần thiết.

Trước thực tế này, công ty CP- Viện Nghiên cứu Dệt may đã thực hiện, nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất vải dệt kim thành phẩm từ sợi I-Skin, đồng thời phát triển dòng sản phẩm đồ lót từ nguyên liệu này.

Xơ I-Skin là một dạng của viscose biến tính. Xơ viscose biến tính trong sợi I-Skin được sản xuất theo công nghệ sản xuất sợi viscose thông thường. I-Skin có thể pha với các nguyên liệu khác như bông, viscose, len, polyester... Nghiên

cứu đã chứng minh khi đưa ZnO vào dung dịch kéo xơ viscose thì xơ viscose cho các đặc tính như kháng khuẩn tốt và bền qua nhiều lần giặt, khả năng hút ẩm của xơ cao, mềm mại, mịn màng, chống tia cực tím, tia hồng ngoại xa, ấm áp vào mùa đông và mát mẻ vào mùa hè.

Với những ưu điểm vượt trội cùng mục tiêu tạo ra các sản phẩm vải dệt kim chất lượng cao, các mẫu vải của đề tài nghiên cứu được dệt từ sợi "I-Skin tỷ lệ pha trộn là 50% bông và 50% I-Skin" cài với sợi spandex để tạo ra tính chất co giãn cho vải rất thích hợp với việc may các sản phẩm quần áo lót và áo T-Shirt. Qua quá trình lựa chọn và xem xét, nhóm nghiên cứu quyết định sử dụng thuốc nhuộm hoạt tính để áp dụng vào sợi I-Skin.

Để xử lý hoàn tất vải dệt kim từ sợi I-Skin cài spandex, công ty CP- Viện Nghiên cứu Dệt may đã tiến hành các phương án thí nghiệm mẫu nhỏ để xây dựng quy trình tối ưu cho xử lý mẫu lớn. Các bước công nghệ xử lý thử nghiệm mẫu nhỏ tại Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex như sau: Văng định hình, tiền xử lý (nấu giặt), nhuộm màu, văng sấy kết hợp hồ mềm kiểm thành phẩm và cuối cùng là đóng gói. Quy trình được thực hiện với các thiết bị như máy nhuộm thí nghiệm Starlet, máy nhuộm Zet, máy vắt ly tâm.

Sau khi sản xuất thành công vải I-Skin, Công ty CP - Viện Nghiên cứu Dệt may đã giới thiệu sản phẩm vải và các tính chất ưu việt của chúng với thương hiệu thời trang Aristino. Bước đầu sản phẩm đồ lót nam sản xuất thử nghiệm cho khách hàng dùng thử và đã nhận được phản hồi tích cực. Quá trình thí nghiệm và sản xuất thử nghiệm cho thấy hoàn toàn có thể ứng dụng nguyên liệu mới I-Skin vào sản xuất công nghiệp, tạo ra sản phẩm từ nguyên liệu mới có nhiều tính năng ưu việt.

Có thể nói, với trình độ công nghệ và thiết bị của các DN kéo sợi, dệt vải, nhuộm, hoàn tất và may trong nước có thể sản xuất được các sản phẩm quần áo sát da từ nguyên liệu I-Skin đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu. Đây là minh chứng cho thấy Việt Nam hoàn toàn có thể làm chủ công nghệ dệt may mới và tiềm năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế ■

IBM chế tạo thành công chip nhỏ nhất thế giới

Hãng máy tính của Mỹ IBM (International Business Machines) cho biết đã chế tạo thành công các con chip 2 nanomet, loại vi mạch nhỏ nhất, mạnh nhất từng được phát triển.

Hầu hết các thiết bị cung cấp năng lượng cho chip máy tính ngày nay đều sử dụng công nghệ xử lý 10 nanomet hoặc 7 nanomet, hoặc tân tiến nhất là chip trên tiến trình 5 nanomet. Con số càng thấp có nghĩa bộ xử lý càng nhỏ và cao cấp hơn. Con chip mới của IBM sử dụng công nghệ theo tiến trình 2 nanomet, một bước tiến vượt bậc đối với các thành phần được sử dụng để cung cấp năng lượng cho mọi thứ từ điện thoại và thiết bị thông minh đến siêu máy tính và phương tiện vận chuyển.

Từ trước đến nay, cách để cải thiện hiệu suất của chip là tăng số bóng bán dẫn- yếu tố cốt lõi xử lý dữ liệu- mà không làm tăng kích thước tổng thể của nó.

Theo Phó Chủ tịch nghiên cứu công nghệ đám mây của IBM- Mukesh Khare, các chip 2 nanomet mới có kích thước gần bằng móng tay và chứa 50 tỷ bóng bán dẫn, mỗi bóng bán dẫn có kích thước bằng hai sợi DNA. Việc có nhiều bóng bán dẫn hơn cũng sẽ cho phép nhiều cải tiến liên quan đến trí tuệ nhân tạo và mã hóa.

Con chip mới này dự kiến sẽ đạt hiệu suất cao hơn 45% và sử dụng năng lượng thấp hơn khoảng 75% - so với các chip 7 nanomet. Với chip 2 nanomet, pin điện thoại di động có thời lượng lâu hơn 4 lần, laptop có thể hoạt động nhanh hơn và lượng khí thải của những trung tâm dữ liệu sẽ giảm mạnh do dựa vào con chip hiệu quả hơn.

Theo dự kiến, chip 2 nanomet sẽ được đưa vào sản xuất bắt đầu từ cuối năm 2024 hoặc 2025.

IBM không phải là công ty tiên phong về linh kiện bán dẫn. Khác với Intel (INTC) hoặc Samsung (SSNLF), hãng máy tính này không sản xuất chip với số lượng lớn. Thay vào đó, IBM cấp giấy phép công nghệ xử lý 2 nanomet cho các công ty sản xuất chip

Vietnam Silk House nghiên cứu thành công mẫu vải lụa mới

Công ty TNHH Vietnam Silk House cho biết, sản phẩm mới có tên Đũi jacquard VSH (viết tắt của Vietnam Silk House) là thành quả nghiên cứu của đội ngũ cán bộ và công nhân viên Công ty trong thời gian 1 năm diễn ra đại dịch Covid- 19.

Sự kết hợp giữa kéo sợi đũi thủ công và công nghiệp dệt trên dây chuyền công nghệ Nhật Bản đã cho ra một sản phẩm vải đũi dệt jacquard (dệt hoa văn chìm trên vải) mang lại vẻ đẹp tinh mỹ và sang trọng. Đặc biệt, với cách dệt hoàn toàn mới, tấm vải thành phẩm giảm hẳn độ nhăn và nhàu- khắc phục nhược điểm lớn của lụa.

Nếu dệt bằng máy thủ công thì sợi đũi không sang trọng, nhưng nếu kết hợp thủ công với công nghiệp sẽ thứ nhất vừa nhanh và sản lượng lớn đáp ứng được nhu cầu đặt hàng từ nước ngoài.

Việt Nam hiện xuất khẩu nhiều sợi se hơn Nhật Bản và Trung Quốc, đồng thời xuất nhiều tơ sống hơn Campuchia và Thái Lan... Tuy nhiên, theo Hiệp hội Tơ lụa Thế giới để thực sự có vị trí trên thế giới về tơ lụa thì cần sản xuất sản phẩm vải lụa thành phẩm.

Việc nghiên cứu thành công, cho ra một loại vải hoàn toàn mới đã góp phần thúc đẩy đưa chất lượng sản phẩm tơ lụa Việt Nam lên một tầm cao mới.

Ngoài thành công từ vải Đũi jacquard VSH, Công ty TNHH Vietnam Silk House cũng đã thử nghiệm và dệt thành công vải lụa co giãn, lụa denim và nhiều ứng dụng khác từ kén tằm. Sản phẩm thử nghiệm được đưa đến các nước và nhận được phản hồi rất tích cực. Hiện Vietnam Silk House đang làm việc từ xa với một số đối tác để chuẩn bị tạo ra bước đột phá mới cho tơ tằm Việt Nam

LG Innotek hợp tác với Microsoft để phát triển cảm biến 3D

Công ty LG Innotek đang hợp tác với công ty mềm máy tính Microsoft của Mỹ để mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh sản phẩm cảm biến 3D và lĩnh vực này đang phát triển nhanh chóng. Công ty đã ký một biên bản ghi nhớ (MOU) với Microsoft để hợp tác phát triển và cung cấp các model thời gian bay (ToF), sẽ được sử dụng cho dịch vụ điện toán đám mây Azure sau này. LG Innotek đặt mục tiêu sản xuất hàng loạt các mô-đun vào nửa cuối năm 2021.

Model ToF là thành phần cốt lõi trong máy ảnh cảm biến 3D có thể được sử dụng để đo khoảng cách và chụp ảnh 3D. Công ty cho biết điện thoại thông minh và thiết bị đeo được sử dụng mô-đun này có thể có các chức năng như xác thực sinh trắc học, nhận dạng chuyển động, thực tế tăng cường (AR) và thực tế ảo (VR).

Với Biên bản ghi nhớ, LG Innotek sẽ phát triển ToF cho nền tảng Microsoft Azure, sử dụng công nghệ cảm biến 3D tiên tiến hàng đầu của hãng. ToF sẽ được gắn trên các thiết bị đeo được và hoạt động như một thiết bị nhập dữ liệu được liên kết với Azure. LG Innotek dự kiến sẽ sản xuất hàng loạt các ToF của họ vào nửa cuối năm nay.

Hai công ty cũng sẽ hợp tác phát triển các thị trường mới bằng cách thực hiện các hoạt động quảng bá để thu hút khách hàng mới trong các lĩnh vực khác nhau. Trong đó, camera cảm biến 3D được liên kết với dịch vụ điện toán đám mây Azure có thể theo dõi chính xác chuyển động của người dùng. Trong chăm sóc sức khỏe, máy ảnh có thể được sử dụng để đo tư thế và hình dạng cơ thể của bệnh nhân, tiến hành phẫu thuật bằng robot.

Hàn Quốc tăng cường phát triển ngành công nghiệp chip

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc cho biết, đang có kế hoạch mở rộng đầu tư và ưu đãi thuế đối với phân khúc bán dẫn cùng với nỗ lực thúc đẩy ngành công

ng nghiệp chip không bộ nhớ và đối phó với tình trạng thiếu hụt nguồn cung chip ô tô trên toàn cầu. Do vậy họ đã có kế hoạch tập trung vào việc mở rộng hỗ trợ cho ngành công nghiệp đúc bánh wafer 8 inch.

Trong đó, bộ phận về mảng kinh doanh xưởng đúc chip để cập đến việc sản xuất chip cho các công ty khác không có nhà máy bán dẫn. Ngành công nghiệp ô tô toàn cầu đang phải vật lộn với tình trạng thiếu hụt nguồn cung cấp tàu ô tô, với một số công ty buộc phải tạm dừng dây chuyền sản xuất của họ.

Samsung Electronics và SK hynix của Hàn Quốc là những công ty phát triển mạnh về chip bộ nhớ, chiếm khoảng 20% lượng hàng xuất đi của nước này. Nhưng các công ty này hiện đang chậm phát triển về lĩnh vực chip không bộ nhớ.

Bộ trưởng Tài chính Hàn Quốc cũng cho biết, Chính phủ đang nghiên cứu các cách để tăng lợi ích về thuế và hỗ trợ chính sách cho ngành công nghiệp bán dẫn để giúp các nhà sản xuất chip trong nước tăng cường lợi thế cạnh tranh của họ. Hàn Quốc có kế hoạch công bố kế hoạch chi tiết để tạo ra cái mà họ gọi là “vành đai bán dẫn K” trong vòng nửa đầu năm 2021.

Ngành công nghiệp da Bangladesh hầu hết đều giảm so với mục tiêu đề ra

Ngành da của Bangladesh đặt mục tiêu cho năm tài chính hiện tại là 920,00 triệu USD và trong 8 tháng đầu năm tài chính hiện tại (từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 2 năm 2021), ngành công nghiệp da ở Bangladesh đã xuất khẩu được 605,67 triệu USD, giảm 4,15% so với cùng kỳ năm trước.

Mặt hàng đóng góp chính là giày da, với giá trị xuất khẩu toàn cầu đạt 377,34 triệu USD trong giai đoạn từ tháng 7/2020 đến tháng 2/2021 và mục tiêu tăng trưởng cả giai đoạn đạt 6,78%. Tất cả các hạng mục khác đều không đạt được các mục tiêu đặt ra cho giai đoạn này.

Xuất khẩu da thành phẩm đạt 73,4 triệu USD trong 8 tháng, giảm 12,87% so với cùng kỳ của

năm tài chính trước và giảm 2,47% so với mục tiêu đề ra cho cả kỳ. Hàng da đạt 154,94 triệu USD, giảm 9,42% so với cùng kỳ năm tài chính trước, đồng thời giảm 10,66% so với mục tiêu đề ra.

Doanh thu từ xuất khẩu giày dép khác đạt 218,84 triệu USD, giảm so với mục tiêu đặt ra cho ngành hàng trong kỳ (giảm 12%) ■

Trung Quốc tăng đầu tư cho sản xuất chip, AI và 5G

Để cạnh tranh với Mỹ, Trung Quốc đưa ra kế hoạch 5 năm, tăng đầu tư cho công ty nội địa trong lĩnh vực công nghệ tiên tiến như chất bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và mạng 5G. Đây đều là những lĩnh vực mà các công ty Mỹ hiện đang chiếm ưu thế. Trung Quốc cũng đặt mục tiêu có 56% người dân trên cả nước sử dụng mạng 5G trong 5 năm tới.

Thủ tướng Trung Quốc cho biết, chỉ tiêu cho nghiên cứu và phát triển trên toàn quốc sẽ tăng hơn 7% mỗi năm, dự kiến sẽ chiếm tỷ lệ phần trăm trong tổng GDP cao hơn so với trong 5 năm trước đó.

Theo đó, Trung Quốc nhanh chóng cắt giảm sự phụ thuộc vào phương Tây đối với các ngành quan trọng như chip máy tính, được xem là vấn đề cấp thiết sau khi tình trạng thiếu chất bán dẫn trên toàn cầu ngày càng trầm trọng trong đại dịch Covid- 19.

Song song với đó, Trung Quốc cũng đang đặt cược lớn vào các công nghệ mới nổi từ phương tiện chạy bằng hydro đến công nghệ sinh học, trong khi vẫn tìm cách đảm bảo các nhà sản xuất chip của riêng mình có thể cạnh tranh với Intel Corp., Samsung và Công ty sản xuất chất bán dẫn Đài Loan (TSCM).

Như vậy, thiết kế phần mềm và sản xuất chip thế hệ thứ ba là hai lĩnh vực quan trọng trong nỗ lực đạt được khả năng tự cung tự cấp về công nghệ của Trung Quốc.

Trước đó, Thủ tướng Trung Quốc nhấn mạnh vào các mục tiêu được liệt kê trong kế hoạch 5 năm lần thứ 14 của Trung Quốc, trong đó ưu

tiên những tiến bộ trong lĩnh vực trẻ hơn như điện toán lượng tử, mạng nơ-ron và ngân hàng DNA. Từ đó cho thấy một chiến lược đa tầng, thực dụng và đầy tham vọng về phạm vi, bao hàm khát vọng thay thế các nhà cung cấp quan trọng của Mỹ, đồng thời hun đúc những nhà sản xuất của Trung Quốc trong các lĩnh vực mới nổi.

Gần đây, chính quyền Mỹ đã có những quyết định cứng rắn yêu cầu các nhà cung ứng Mỹ phải xin giấy phép trước khi giao dịch với Semiconductor Manufacturing International Corporation (SMIC- Công ty Quốc tế Sản xuất Bán dẫn Thượng Hải). Nguyên nhân là do Mỹ không muốn SMIC có thể sử dụng công nghệ của họ để giúp Trung Quốc hiện đại hóa lực lượng vũ trang, dù SMIC phủ nhận các mối quan hệ với quân đội Trung Quốc.

Giữa tình trạng thiếu hụt toàn cầu ngày càng trầm trọng, đối với một quốc gia nhập khẩu 300 tỷ USD chip hàng năm, Trung Quốc hiện đang rơi vào vị thế phải phụ thuộc rất nhiều vào các nhà cung cấp, đồng thời lao đao vì sức ép từ Mỹ.

Quyết định rút hàng tỷ USD vào các công ty trong nước đã chính thức hóa tham vọng của Trung Quốc trong việc phát triển phần mềm của riêng mình để thiết kế chất bán dẫn, những công cụ thay thế từ các công ty Mỹ như Cadence Inc. và Synopsys Inc.

Đất nước có nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới hiện nay đặt mục tiêu trở thành người đi đầu trong lĩnh vực công nghệ hiện đại như sản xuất công nghiệp silic cacbua và gali nitride, sản xuất các chip có thể hoạt động ở tần số cao trong môi trường năng lượng nhiệt độ cao hơn, với các ứng dụng rộng rãi trong tần số vô tuyến thế hệ thứ năm, ứng dụng quân sự, nâng cấp radar và xe điện.

Trung Quốc đưa ra một số hành động thiết thực như xây dựng thêm các phòng thí nghiệm quốc gia và các trung tâm đổi mới, cũng như tăng cường nỗ lực thực hiện chương trình có tên là Chương trình nghị sự 2030 về Đổi mới Khoa học Công nghệ.

Được biết, Trung Quốc đang thiết lập một nền tảng để chia sẻ dữ liệu công khai với Chính phủ, đồng thời xây dựng các chính sách để đảm bảo tính bảo mật của thông tin đó ■



DN Philippines cần tìm nhà cung cấp phụ tùng xe máy

Imartrade Indentors Inc. là nhà phân phối và nhập khẩu Phụ tùng Xe máy tại Philippines từ năm 2002. Các thiết bị phụ tùng từ trước tới nay chủ yếu đến từ Trung Quốc Đại lục. Tuy nhiên, trong năm nay, Công ty chuyển hướng cần tìm và khai thác mở rộng nguồn hàng và Việt Nam là một trong những lựa chọn của Công ty. Hiện tại, Công ty này đang tìm kiếm đối tác Việt Nam để nhập khẩu các loại phụ tùng xe máy dưới đây: Trục vòng bi giầy phanh Carburator chuỗi cáp (ly hợp, phanh, bướm ga, đồng hồ tốc độ) má phanh đĩa động cơ và nhông sau đèn pha Knuckle Bearing vành cầu chuyên lắp ráp Stator. Công ty hy vọng có thể sớm bắt đầu kinh doanh với Việt Nam trong thời gian tới.

DN có nhu cầu xin liên hệ trực tiếp: Jo F. Nasol Liaison Officer Imartrade Indentors Inc. Mercedes Avenue, Brgy. San Miguel, Pasig City, Philippines; email: jfnasol@martrade.com

Công ty Nga cần tìm đối tác trong cung ứng nguyên liệu vải cán màng polypropylene

Thương vụ Việt Nam tại LB Nga xin gửi đến các DN thông tin về công ty “RybinskPolyPack” hiện đang có nhu cầu tìm kiếm đối tác tại Việt Nam để mua nguyên liệu vải cán màng polypropylene phục vụ sản xuất, cụ thể như sau:

Tên công ty	Thông tin DN	Sản phẩm chính	Nhu cầu	Thông tin liên lạc
RybinskPolyPack	- Được thành lập từ năm 1996. - Sản xuất và cung ứng các sản phẩm màng bọc, túi bọc từ các nguyên liệu như polypropylene, polietilen, polymer...	Màng bọc thực phẩm, hàng hóa; màng bọc cách nhiệt; túi ni lông,...	Tìm kiếm đối tác tại Việt Nam để thu mua nguyên liệu vải cán màng polypropylene phục vụ sản xuất (thông tin cụ thể xem file đính kèm)	(4855) 26-33-76 plenkainfo@bk.ru http://polyfilms.ru/

Các đơn vị có quan tâm và mong muốn hợp tác với Công ty “RybinskPolyPack” có thể liên hệ trực tiếp theo địa chỉ như trên hoặc Thương vụ Việt Nam tại LB Nga để được hướng dẫn:

 ru@moit.gov.vn;

 +7495 250 2422;

 +7495 250 0534

Tham khảo tình hình sản xuất một số sản phẩm CNHT tại các tỉnh

Sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Ước tháng 4/2021	Tháng 3/2021	Tháng 4/2020
Linh kiện điện tử					
Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Bình Dương	Triệu đồng	683.441	663.109	616.765
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	300.751	269.720	190.037
	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	18.500	15.717	14.150
Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	11.818.559	11.592.723	3.916.496
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	634.742	613.740	408.929
	Bình Dương	Triệu đồng	362.450	332.952	265.989
Linh kiện ô tô					
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	TP. Hà Nội	Cái	2.907.778	2.906.727	1.525.321
	Hoà Bình	Cái	670.000	727.053	182.696
	Đồng Nai	Cái	543.464	543.464	764.877
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Vĩnh Phúc	Chiếc	6.171	6.049	870
	Ninh Bình	Chiếc	4.279	4.378	1.197
	TP. Hải Phòng	Chiếc	3.506	2.569	512
Nguyên phụ liệu dệt may					
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cối ...	Quảng Ninh	Tấn	24.000	24.976	21.897
	Tây Ninh	Tấn	16.732	16.571	13.465
	Thừa Thiên Huế	Tấn	7.070	7.573	5.767
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	Nam Định	1000 m2	6.099	5.563	4.131
	Hà Nam	1000 m2	1.003	988	745
	Đồng Nai	1000 m2	502	475	1.792
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	Đồng Nai	1000 m2	19.589	16.687	17.614
	Quảng Ninh	1000 m2	8.600	7.755	5.096
	Phú Thọ	1000 m2	4.672	4.741	3.733
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	Đồng Nai	1000 m2	32.715	31.856	37.260
	Long An	1000 m2	22.019	22.293	18.985
	TP. Hồ Chí Minh	1000 m2	3.708	3.968	1.994
Sản phẩm dệt may					
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	TP. Hồ Chí Minh	1000 cái	7.539	7.608	2.467
	TP. Hà Nội	1000 cái	6.880	7.145	5.771
	Hải Dương	1000 cái	5.802	5.091	3.725
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	TP. Hồ Chí Minh	1000 cái	33.728	31.949	29.243
	Đồng Nai	1000 cái	8.170	7.886	8.074
	Tiền Giang	1000 cái	6.604	14.985	5.221
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	TP. Hà Nội	1000 cái	672	668	423
	TP. Cần Thơ	1000 cái	563	475	551
	Bình Định	1000 cái	361	338	294
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Thừa Thiên Huế	1000 cái	29.588	29.000	17.560
	TP. Hải Phòng	1000 cái	8.500	7.446	5.164
	Bình Phước	1000 cái	4.078	3.959	3.585

Nguồn: Tính toán từ số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê và các cục Thống kê